**HS ÔN TẬP HÓA 9**

**CHƯƠNG III:**

**PHI KIM VÀ SƠ LƯỢC BẢNG HỆ THỐNG TUẦN HOÀN**

**Câu 1**: X là kim loại có hóa trị không đổi. Trong hiđroxit cao nhất, X chiếm 54,05% về khối lượng. Vậy X là

**A**. Mg. **B**. Ca. **C**. Fe. **D**. Ba.

**Câu 2**: Trong các dãy chất dưới đây dãy chất nào gồm các chất đều t/d được với clo:

**A**. H2, ddNaCl, I2,Cu, nước. **B.** dd HBr, ddNaCl, Mg, Clo.

**C**. H2, dd NaOH, nước, Brom. **D**. Al, H2, ddNaBr, nước, dd NaOH.

**Câu 3**: Để phân biệt 4 dd mất nhãn: HCl, HNO3, Ca(OH)2, CaCl2, thuốc thử và thứ tự dùng nào sau đây là đúng:

**A**. Q/tím, dd Na2CO3. **B**. q/tím, ddAgNO3. **C**. CaCO3, q/tím. **D**. q/tím, CO2.

**Câu 4**: Khi cho 200ml dd BaCl2 0,5M vào 200ml dd AgNO3 0.8M thu được kết tủa. khối lượng kết tủa là:

 **A**. 14,35g. **B**. 28,7g. **C**. 22,9g. **D**. 11,48g.

**Câu 5**: Cho 100g CaCO3 t/d với HCl dư thu được V lít khí CO2 đktc. Dẫn toàn bộ lượng CO2 trên vào dd có chứa 60g NaOH. Khối lượng muối Na thu được là:

**A**.90g. **B**. 95g. **C**. 87g. **D**. 92,5g.

**Câu 6**: Cho a g Na2CO3 t/d với HCl dư thu được 4,48 lít khí (đktc). Giá trị của a là:

**A**.10,6g. **B**. 5,3g. **C**. 21,2g. **D**. 42,4g.

**Câu 7**: Có 185,4g dd HCl 10% cần hòa tan thêm vào dd đó bao nhiêu lít khí hiđroclorua (đktc) để thu được dd axit HCl 16,57%.

**A**. 14,53 lít. **B**. 8,96 lít. **C**. 0,4 lít. **D.** 9,18 lít.

**Câu 8**: Hòa tan 10g hỗn hợp 2 muối XCO3 và Y2(CO3)3 bằng dd HCl ta thu được dd Z và 0,672 lít khí bay ra ở đktc. Cô cạn dd Z thu được m g muối khan. m có giá trị là:

A. 1,033g. B. 10,33g. C. 9,265g. D. 92,65g.

**Câu 9**: Để hòa tan hoàn toàn 4g một oxit sắt cần 52,14ml HCl 10%( D= 1,05g/ml) công thức oxit sắt là:

A. Fe2O3. B. FeO. C. Fe3O4. D. không đủ dữ kiện.

**Câu 10**: Nung m g hỗn hợp CaCO3 và MgCO3 đến khối lượng không đổi được 0,5352 mg chất rắn thì % khối lượng của CaCO3 trong hỗn hợp là:

A. 66,67%. B. 37,31%. C. 70,42%. D. 25,24%.

**Câu 11**: Cho 2g hỗn hợp X gồm Mg, Fe, Zn, Al t/d với dd HCl dư giải phóng 1,12 lít khí (đktc). Mặt khác cho 2g X t/d với khí clo dư thu được 5, 763g hỗn hợp muối. thành phần % khối lượng Fe trong X là:

A. 14%. B. 16,8%. C. 19,2%. D. 22,4%.

**Câu 12**: Khí clo nặng hơn không khí:

A.1,5 lần. B. 2,5 lần. C. 2 lần. D. 3,1 lần.

**Câu 13**: Nước clo có màu gì:

A. vàng rơm. B. vàng nhạt. C. vàng lục.. D. vàng da cam.

**Câu 14**: Hiện tượng xảy ra khi cho dây sắt nóng đỏ vào bình đựng khí clo:

A. có khói trắng. B.có khói nâu. C. có khói đen. D. có khói tím.

**Câu 15**: Chỉ ra nội dung đúng:

A. Khí clo không phản ứng với khí oxi.

B. khí clo phản ứng với khí oxi tạo ra Cl2O.

C. khí clo phản ứng với khí oxi tạo ra Cl2O5.

D. khí clo phản ứng với O2 tạo ra Cl2O7.

**Câu 16**: Hiện tương xảy ra khi cho quỳ tím vào nước clo:

A. quỳ tím không đổi màu. B. quỳ tím hóa đỏ.

C. quỳ tím mất màu. D. lúc đầu q/tím hóa đỏ,sau đó mất màu.

**Câu 17**: Thả giấy quỳ vào dd NaOH loãng. Sau đó sục khí clo vào dd đó hiện tượng xảy ra

A. giấy quỳ từ màu tím sang màu xanh.

B. giấy quỳ từ màu xanh sang màu tím.

C. giấy quỳ từ màu xanh sang màu hồng.

D. giấy quỳ từ màu xanh sang không màu.

**Câu 18**: Chất khí được dùng để diệt trùng nước sinh hoạt, nước bể bơi là:

A. Cl2. B. F2. C. N2. D. CO2.

**Câu 19**: Hãy chỉ ra đâu không phải là ứng dụng của clo:

A. xử lí nước sinh hoạt. B. sản xuất giaven.

C. sản xuất NaCl, KCl trong công nghiệp. D. sản xuất PVC.

**Câu 20**: Chỉ ra phương trình hóa học của phản ứng điều chế clo trong công nghiệp:

A. 4HCl+MnO2→MnCl2+Cl2+2H2O.

B. 16HCl+2KMnO4→2MnCl2+5Cl2+2KCl+8H2.

C. 2NaCl+2H2OCl2+H2+2NaOH.

D. NaClNa+Cl2.

**Câu 21**: Không được dùng phương pháp nào sau đây để nhận biết khí clo:

A. quan sát màu sắc của khí.

B. ngửi mùi của khí.

C. dùng quỳ tím ẩm.

D. hòa tan vào nước tạo dd màu vàng lục làm mất màu q/tím.

**Câu 22**: trong mọi trường hợp khi đ/chế hay sử dung khí clo đều không được để khí clo thoát ra ngoài vì:

A. Khí clo làm ô nhiễm không khí. B. khí clo gây ra mưa axit.

C. khí clo rất độc. D. khí clo làm thủng tầng ozon.

**Câu 23**: Chỉ ra nội dung đúng:

A. Flo là nguyên tố phi kim mạnh nhất.

B. Cacbon là nguyên tố phi kim mạnh nhất.

C. Iot là nguyên tố phi kim yếu nhất.

D. A và C.

**Câu 24**: lọ đựng khí nào sau đây có màu vàng lục:

A. khí nito. B. khí flo. C. khí Clo. D. khí CO.

**Câu 25**: Cho 50g CaCO3 t/d vừa đủ với dd HCl 20% (D= 1,12g/ml). khối lượng dd HCl đã dùng là:

A. 180g. B. 182,5g. C. 55g. D. 100g.

**Câu 26**: trộn lẫn dd HCl 2M và dd HCl 4M. Để thu được dd có nông độ 3,2M thì tỉ lệ thể tích của 2 dd đem trộn lẫn tương ứng là:

A.1:2. B.2:3. C.2: 1. D.3:2.

**Câu 27**: Hòa tan khí clo vào dd NaOH dư thu được những chất nào:

A. NaCl, NaClO, Cl2. B. NaCl, Cl2.

C.NaCl, NaClO, NaOH. D. NaClO, NaOH.

**Câu 28**: Có 3 lọ đựng khí riêng biệt Cl2, HCl, O2 có thể dùng thuốc thử nào trong các thuốc thử sau để đồng thời nhận biết 3 lọ khí:

A. dd AgNO3. B. Dd NaOH. C. quỳ tím ẩm. D. Tàn đóm.

**Câu 29**: Cho 5 g hỗn hợp gồm 2 kim loại Mg và Zn tan vừa hết trong dd HCl 20% thu được 3,136 lít khí H2 ở đktc nồng độ % của MgCl2 trong dd sau phản ứng là:

A. 21,4%. B. 2,14%. C. 12,7%. D. 17,2%.

**Câu 30**: hòa tan hoàn toàn 13g một kim loại hóa trị II bằng dd HCl. Cô cạn dd sau phản ứng thu được 27,2g muối khan. Kim loại đã dùng là:

A. Zn. B. Ca. C. Fe. D. Ba.

**Câu 31**: Cho 10g MnO2 t/d với dd HCl dư, đun nóng.khối lượng MnCl2 tạo thành là:

A. 4,2g. B. 14,5g. C. 8,4g. D. 12,2g.

**Câu 32**: để điều chế clo trong phòng t/n có thể dùng các hóa chất sau:

A.KMnO4, dd H2SO4 đặc và tinh thể NaCl.

B. dd H2SO4 đặc và tinh thể NaCl.

C. MnO2, dd HCl loãng.

D. KMnO4, dd HCl đặc.

**Câu 33**: Clo t/d với chất nào sau đây cho muối FeCl3:

A. Fe2O3. B. FeO C. Fe. D. Fe3O4.

**Câu 34**: Tính phi kim giảm dần trong dãy là:

A. F, Cl, I, Br. B. Cl,Br, F, I. C. Br, Cl, I,F. D. F,Cl, Br, I.

**Câu 35**:Tính phi kim tăng dần trong dãy là:

A. P, S, O, F. B. O, S, P, F. C. O, F, P, S. D. F, O, S, P.

**Câu 36**: tính phi kim giảm dần trong dãy là:

A. C, O, Si, N. B. Si, C, O, N. C. O, N, Si. D. C, Si, N, O.

**Câu 37** : Hòa tan khí clo vào dd KOH đặc nóng dư thu được dd chứa các chất thuộc dãy nào sau đây :

A. KCl, KClO3, Cl2. B. KCl, KClO3, KOH,H2O.

C. KCl, KClO3. D. KCl, KClO, KOH.

**Câu 38**: Cho 17,4g MnO2 t/d với dd HCl đặc, dư và đun nóng. Thể tích khí thoát ra ở đktc là:

A. 4,48 lít. B. 2,24 lít. C. 3,36 lít. D. 6,72 lít.

**Câu 39**: Cho 9,2g hỗn hợp Zn và Al t/d vừa đủ với 0,25 mol khí Cl2 thì khối lượng muối clorua thu được là:

A. 13,475g. B. 20,5g. C. 30,2g. D. 26,95g.

**Câu 40:** Thể tích nước cần thêm vào dd HCl 2M để được 1 lít dd HCl 0,5M là:

A. 250ml. B. 200ml. C. 750ml. D. 150ml.

**Câu 41**: Cho 23,7g KMnO4 t/d với axit HCl đặc ,dư thì thể tích khí clo thu được ở đktc là: theo phương trình sau: 2KMnO4+16HCl→2KCl+2MnCl2+5Cl2+8H2O

A. 2,24 lít. B. 11,2 lít. C. 5,6 lít. D. 8,4 lít.

**Câu 42**: Cho 1 lượng dư KMnO4 vào 25ml dd HCl thu được 1,4 lít khí đktc. Vậy nồng độ mol của dd HCl đã dùng là:

**A**. 8,5M. **B**. 8M. **C**. 7,5M. **D**. 7M.

**Câu 43**: Cho khí clo dư t/d với khí clo dư với 9,2g kim loại sinh ra 23,4g muối kim loại hóa trị I. Muối kim loại hóa trị I là muối nào sau đây:

**A**. NaCl. **B**. LiCl. **C**. kết quả khác. **D**. KCl.

**Câu 44**: Oxi không phản ứng trực tiếp với chất nào sau đây:

A Clo. B. Canxi. C. Bari. D. đồng.

**Câu 45**: Cho 2,7 g kim loại R hóa trị III tác dụng hết với clo thu được 13,35g muối clorua. R là:

A. Fe. B. Al. C. Cr D. Mg.

**Câu 46**: hòa tan khí clo vào dd KOH loãng dư, dd thu được có các chất nào sau đây:

A. KOH, KClO3,H2O, KCl. B. KCl, KClO, KOH, H2O.

C. KCl, KClO, KOH. D. KCl, KClO3, H2O.

**Câu 47**: clo phản ưng được với dãy chất nào sau đây:

A. Cu, H2O, NaCl. B. Fe, F2, KCl.

C. Fe, dd KOH, H2O. D. CaCO3, HCl, Ba.

**Câu 48**: Trong các đơn chất sau: O2, Br2, S, I2, Cl2, F2, N2. Đơn chất có tính phi kim mạnh nhất là:

A. Cl2. B. F2. C. I2. D. S.

**Câu 49**: Khi mở vòi nước máy thấy có mùi lạ. Đó chính là mùi clo và người ta giải thích khả năng diệt khuẩn của clo là do:

A. có HClO chất này có tính oxi hóa mạnh.

B. clo độc nên có tính sát trùng.

C. Một nguyên nhân khác.

D. clo có tính oxi hóa mạnh.

**Câu 50**: Cho sơ đồ phản ứng sau: A+O2→ to B ; D+O2→ to B

 B+NaOH→Y; Y+NaOH→Na2CO3+H2O.

B có công thức:

A. SO2. B. CO2. C. CaCO3. D.H2CO3.

**Câu 51**: Nguyên tố phổ biến nhất trong tự nhiên là:

A. Oxi. B. Silic. C. Clo. D. Natri.

**Câu 52**: Chọn câu trả lời đúng nhất:

A. Phi kim dẫn điện tốt.

B. Phi kim dẫn nhiệt tốt.

C. Phi kim dẫn điện, dẫn nhiệt kém.

D. Phi kim chỉ tồn tại ở 2 trạng thái rắn và khí.

**Câu 53**: Nung 200kg CaCO3 được 89,6kg CaO. Hiệu suất phản ứng là:

A. 80%. B. 44,8%. C. 55,2%. D. 20%.

**Câu 54** : Đốt 3,2g lưu huỳnh bằng 2,4g oxi thu được một lượng lưu huỳnh đioxit nặng :

A. 5,6g. B.6,4g. C. 4,8g. D. 3,2g.

**Câu 55**: chất khí có thể gây chết người vì ngăn cản sự vận chuyển oxi trong máu là :

A. CO2. B. CO. C.SO2. D. NO.

***Câu 56***: Cho các chất sau : H, C, Li, S, Cu, Ca. Dãy các chất được sắp xếp theo chiều tăng dần điện tích hạt nhân nguyên tử là:

**A**. H, Li, C, S, Ca, Cu. **B**. H, C, Ca, Cu, S, Li.

**C**. H, Ca, Cu , S, C, Li. **D**. Cu, Ca, S, Li, C, H.

**Câu 57**: Cho 300ml dd chứa Ca(OH)2 0,3M có thể hấp thụ tối đa bao nhiêu lít CO2 (đktc):

A. 2,016 lít. B. 4,032 lít. C. 2,688 lít. D. 0,672 lít.

**Câu 58**: Cho các phản ứng sau:

(1) CO+NaOH→Na2CO2+H2O.

(2) C+O2CO2.

(3) Cu+HCl→CuCl2+H2.

(4) Na2O+H2O→2NaOH.

Trong các phản ứng trên phản ứng nào không xảy ra:

A.(1), (3), (4). B. (2), (3). C. (1), (3). D. (2), (4).

**Câu 59**: Những cặp chất nào sau đây có thể t/d được với nhau:

A. SiO2+CO2. B. SiO2+H2O.

C. SiO2+H2SO4. D.SiO2+NaOH.

**Câu 60**: Để khử hoàn toàn 40g hỗn hợp CuO và Fe2O3 người ta dùng 15,68 lít khí CO (đktc). Thành phần % của mỗi oxit trong hỗn hợp.

A. 20%; 80%. B.30%; 70%. C.50,5%; 45,5%. D. 64%; 36%.

**Câu 61**: Trong số các hợp chất sau : Ca(H2PO4)2; Ca3(PO4)2; CaHPO4; NH4H2PO4 hợp chất nào có hàm lượng photpho lớn nhất:

A. Ca(H2PO4)2. B. Ca3(PO4)2 C. NH4H2PO4. D. CaHPO4

**Câu 62**: Cho 9,2g ki, loại M có hóa trị từ I đến III phản ứng với khí clo dư tạo thành 23,4g muối.M là kim loại nào sau đây:

A. Fe. B. Al. C. K. D.Na.

**Câu 63**: Chỉ ra nội dung đúng. Trong 1 chu kì đi từ trái sang phải:

A. Các nguyên tố sắp xếp theo chiều nguyên tử khối tăng dần.

B. các nguyên tố sắp xếp theo chiều điện tích hạt nhân tăng dần.

C. các nguyên tử của các nguyên tố có số lớp electron bằng nhau.

D. B và C đúng.

**Câu 64**: Cho 60g dd HCl t/d với Na2CO3 thu được 3,36 lít khí đktc. Nồng độ % của dd HCl là:

A. 1,825%. B. 9,13%. C. 5%. D.18,25%.

**Câu 65**: Hòa tan 2,84g hỗn hợp gồm CaCO3 và MgCO3 cần 30ml H2SO4 1M. Vậy thành phần % về khối lượng của hỗn hợp muối ban đầu là:

A. 70,42%; 29;58%. B. 71%; 29%.

C. 72,5%; 27,5%. D. 75%; 25%.

**Câu 66**: Thể tích dd HCl 0,4M cần để trung hòa 200ml dd NaOH 0,3M là:

A. 450ml. B. 150ml. C.300ml. D. 267ml.

**Câu 67**: Có 3 dd sau: K2CO3; K2SO4; Ba(HCO3)2. Để phân biệt 3 dd trên có thể dùng:

A. dd NaCl. B. dd H2SO4 loãng. C. dd NaOH. D. dd Ca(OH)2.

**Câu 68**: Cho 10 lít hỗn hợp X gồm CO2 và N2 đktc hấp thụ vào dd KOH sau pứ tạo ra 2,07g K2CO3 và 6g KHCO3. Thành phần % về thể tích của CO2 trong hỗn hợp là: A. 16,8%. B. 28%. C. 42%. D. 50%.

**Câu 69**: Cho v lít khí CO2 đktc hấp thụ hết vào 350ml dd Ba(OH)2 0,2M tạo thành 7,88g kết tủa. Giá trị của V là:

A. 0,896 lít. B. 2,24 lít. C. A và B đúng. D. Kết quả khác.

**Câu 70**: Mưa axit do chất nào gây nên:

A. SO2; CO2. B. SO2, NO2. C. CO2; NO2. D. tất cả đều đúng.

**Câu 71**: Khi cho dd NaOH dư vào cốc đựng dd Ca(HCO3)2 trong suốt thì trong cốc:

A. có kết tủa trắng.

B. có sủi bọt khí.

C. có kết tủa và sủi bọt.

D. lúc đầu có kết tủa trắng, sau đó có bọt khí xuất hiện thì kết tủa tan.

**Câu 72**: Người ta có thể đ/c clo bằng cách cho HCl đặc dư t/d với m1g MnO2; m2 g KMnO4; m3 g KClO3. Nếu m1=m2=m3 thì trường hợp nào thu được clo nhiều nhất:

A. KClO3. B.MnO2. C.KMnO4. D. tất cả đều đúng.

**Câu 73**: thuốc thử nào có thể nhận biết được 3 chất bột sau: BaCO3, MgCO3, Na2CO3:

A. H2O và dd H2SO4 loãng. B. AgCl. C. dd Ca(OH)2. D. dd HCl.

**Câu 74**: Nung 12g CaCO3 ở nhiệt độ cao sau pứ thu được 7,6g chất rắn A. tính hiệu suất pứ :

A. 70%; B. 75%. C. 88,42%. D. 88,5%.

**Câu 75**: Khử hoàn toàn 11,6g oxit sắt bằng CO ở nhiệt độ cao. Sản phẩm khí dẫn vào dd Ca(OH)2 dư tạo ra 20 g kết tủa. công thức của oxit sắt là:

A. FeO. B. Fe3O4. C. Fe2O3. D. Không xác định.

**Câu 76**: Dẫn 7,96 lít khí CO2 đktc vào 300ml dd Ca(OH)2 7,4%. Khối lượng kết tủa sinh ra là:

A. 10g. B. 20g. C. 30g. D. 40g.

**Câu 77**: Nung 17,4 g muối RCO3 trong không khí đến khi pứ xảy ra hoàn toàn thu đc 12g oxit của kim loại R. Hãy xác định tên kim loại:

A. Fe. B. Ca. C. Al. D.Cu.

**Câu 78**: Đốt cháy hoàn toàn 18g FeS2 sau pứ cho toàn bô lượng SO2 thu đc hấp thụ vào 2 lít dd Ba(OH)2 0,125M. Tính klg muối tạo thành:

A. 43,4g. B. 19,95g. C. 58,35g. D. 5,24g.

**Câu 79**: Cho 3 dd NaOH, NaHCO3, Na2CO3. Thuốc thử nào sau đây có thể nhận biết đc các chất trên:

A. dd HCl. B. dd KMnO4. C. dd BaCl2. D. dd AgNO3.

**Câu 80**: Thêm từ từ dd HCl vào 10g muối cacbonat của kim loại hóa trị II. V lít khí thoát ra lớn hơn 1,904 lít ở đktc và muối clorua lớn hơn 8,585g. Xác định kim loại:

A. Fe. B. Mg. C.Cu. D. Ca.

**Câu 81**: Hòa tan hoàn toàn 1 muối cacbonat của kim loại hóa trị I vào 1 lượng vừa đủ dd H3PO4 10% thu được dd muối trung hòa duy nhất có nồng độ 18,91%. Xác định tên kim loại:

A. K. B. Na. C. Li. D. Rb.

**Câu 82**: Tính klg oxi cần thiết để đốt cháy 1kg than chứa 4% tạp chất không cháy. Tính klg CO2 sinh ra:

A. 3,6 kg. B. 3,52 kg C. 3,25kg. D.3.5kg.

**Câu 83**: Đốt lưu huỳnh trong bình chứa 10g oxi sau pứ thu đc 12,8g SO2. Khối lượng S đã pứ và oxi dư lần lượt là:

A. 6,4g ; 3,6g. B. 6g;3,3g. C. 3,6g; 6,4g. D. 3,3g; 6g.

**Câu 84**: Đốt cháy hoàn toàn 18,6g P trong bình oxi thu đc P2O5. Tính thể tích khí oxi đã pứ:

A. 1,98 lít. B. 0,36 lít. C. 16,8 lít. D. 1,68 lít.

**Câu 85**: Cho 0,53 g muối cacbonat của kim loại có hóa trị I t/d hết với dd HCl thu đc 112ml khí CO2 đktc. Xác định kim loại:

A. K. B. Na. C. Li. D. Rb.

**Câu 86**: Cho 6g C pứ với 24g oxi. Tính thể tích khí tạo thành ở đktc biết rằng khí này làm đục nước vôi trong:

A. 1,98 lít. B. 0,36 lít. C. 16,8 lít. D. 1,68 lít.

**Câu 87**: Nung 150kg đá vôi có lẫn 20% tạp chất thu đc CaO và khí cacbonic. Khối lượng vôi sống thu đc là:

A. 67kg. B. 67,5kg. C. 87,2kg. D. 67,2kg.

**Câu 88**: Đốt cháy 100kg than chứa 96% C, còn lại là tạp chất không cháy. Cần bao nhiêu m3 không khí ở đktc để đốt cháy hết lượng than trên. Biết = 1/5Vkhông khí

A. 890 m3 B. 896 m3. C. 895 m3. D. 900 m3.

**Câu 89**:Sục từ từ 2,24 lít khí SO2 ở đktc vào 100ml dd NaOH 3M thu đc dd X. Vậy thành phần của X gồm:

A. Na2SO3; NaOH dư, H2O. B. NaHSO3; H2O.

C. Na2SO3; NaHSO3; H2O. D. NaHSO3; NaOHdư.

**Câu 90**: Cho 1,12 lít khí SO2 đktc hấp thu vào 100ml dd Ba(OH)2 có nồng độ C mol/l, thu đc 6,51g kết tủa. Giá trị của V:

A. 0,3M. B. 0,4M. C. 0.5M. D. 0,6M.

**Câu 91**: Hòa tan hoàn toàn 4g muối MCO3 vào dd HCl thấy thoát ra V lít khí ở đktc. Cô cạn dd thu đc 5,1g muối khan. Giá trị của V là:

A. 1,12 lít. B. 1,68 lít. C. 2,24 lít. D. 3,36 lít.

**Câu 92**: Sục từ từ 4,48 lít SO2 vào 300ml dd NaOH 1,5M. Khối lượng muối thu đc là:

A. 25,2g. B. 16,8g. C. 12,6g. D. 20,8g.

**Câu 93**: Hòa tan hoàn toàn 11g hỗn hợp 2 muối cacbonat của kim loại hóa trị II vàIII bằng dd HCl thu đc dd A và 0,672 lít khí bay ra ở đktc. Cô cạn A khối lượng muối thu đc là:

A. 9,33g. B. 11,33g. C. 12,33g. D. 10,33g.

**Câu 94**: Cho 4,48 lít khí CO2 đktc vào 40 lít dd Ca(OH)2 thu đc 12g kết tủa A. nồng độ mol của dd Ca(OH)2 là:

**A**. 0,004M. **B**. 0,002M. **C**. 0,006M. **D**. 0,008M

**Câu 95**: SiO2 không t/d đc với chất nào sau đây:

**A**. H2O. **B**. NaOH. **C**. Na2CO3. **D**. CaO.